TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 174/2025/QĐST-HNGĐ	*Bình Chánh, ngày 04 tháng 3 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 116 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 63/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1/ Bà **Trần Minh N**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông **Lê Văn D**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại biên bản hoà giải đoàn tụ không thành ngày 24 tháng 02 năm 2025, ông Lê Văn D và bà Trần Minh N thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ các vấn đề về con chung, tài sản chung và nợ chung.

[2] Xét việc thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn D và bà Trần Minh N thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 107/2015, Quyển số 01/2015, đăng ký ngày 01/12/2015 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Quá trình chung sống, ông Lê Văn D và bà Trần Minh N có 03 con chung là trẻ Lê Minh Q (nam), sinh ngày 20/12/2010, trẻ Lê Minh T (nam), sinh ngày 09/9/2016 và trẻ Lê Ngọc M (nữ), sinh ngày 03/9/2020. Sau khi ly hôn, ông D và bà N yêu cầu Tòa án công nhận thỏa thuận về con chung như sau: Bà Trần Minh N là người trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng 03 trẻ là trẻ Lê Minh Q, sinh ngày 20/12/2010, trẻ Lê Minh T (nam), sinh ngày 09/9/2016 và trẻ Lê Ngọc M (nữ), sinh ngày 03/9/2020. Ông Lê Văn D cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.0000 đồng/tháng/con cho đến khi con trưởng thành. Tổng cộng 3.000.000 đồng/tháng cho 03 con chung.

Ông Lê Văn D và bà Trần Minh N thực hiện việc giao và nhận tiền cấp dưỡng nuôi con vào ngày 05 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ ngày 05/3/2025 cho đến khi con chung trưởng thành. Các bên có quyền thỏa thuận phương thức và địa điểm giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Trường hợp không thỏa thuận được thì các bên thực hiện giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp ông Lê Văn D không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận thì bà Trần Minh N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành việc ông Lê Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Kể từ khi bà Trần Minh N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lê Văn D chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì ông Lê Văn D phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.5. Những vấn đề khác yêu cầu Tòa án công nhận: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Lê Văn D và bà Trần Minh N phải chịu lệ phí việc dân sự là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà ông Lê Văn D và bà Trần Minh N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/24P/0051781 ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Lê Văn D và bà Trần Minh N đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H. Bình Chánh;
- UBND xã H, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS H. Bình Chánh;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thanh Huyền